Họ tên	Bộ phận	3	4	5	6	7	10	11	12	13	14	17	18	19	20	21	24	25	26	27	28	31	Tổng
VI VĂN KHƯƠNG	BGĐ	8.35	5.82			4.2	5.93	8.95	4.87		4.92	9.2	9.48	8.83	0.58	4.48		4.35		4.05	4.13	8.52	**10**
BAN GIÁM ĐỐC Count	1																						
KHA THỊ HẢI	DƯỢC	8.08	8.1	8.2	8.15	8.43	8.42	7.83	8.08	8.23	7.82	8.22	8.3	8.38	8.57	2.02	8.25	8.38	7.28	3.1		8.07	**15.98**
KHOA DƯỢC Count	1																						
HOÀNG VĂN TRUNG	TCHC	5.55	8.57				8.27	6.45	5.65				4.55	3.7	8.53	3.95	8.38	3.87		8.75		8.47	**8.9**
PHÙNG DUY ĐỨC	TCHC		8.15	4.2	8.27	5.37	8.4	8.3		8.3	4.18		8.08	7.72		3.67	8.05	8.57	2.67			8.27	**10.74**
KHA VĂN HÀ	TCHC		5.72									4.4		5.42	5.35		7.77	8.83					**3.94**
VI VĂN THÌN	TCHC		5.4	8.23				5.2	8.92	6.43	7.57	6.12	5.05	6.07	8.67		5.9	5.65	7.83	6.98	7.42	7.88	**11.51**
LÔ VĂN TUẤN	TCHC	7.97	7.55				8.23	7.85	7.13			7.58	4.97	8.08									**6.25**
LƯƠNG VĂN AI	TCHC	6.52	2.93	8.82	6.1	8.75	8.9	8.38	7.7	7.03	8.15	8.07	8.88	8.77	8.3	7.55	8.68	8.17	7.85	8.68	7.3	2.15	**16.6**
LỮ VĂN TÒA	TCHC	8.63	8.22			8.98	9.17	8.68	9.1			9.1	8.72	9	8.45		8.68	8.5	7.87			9.37	**12.89**
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH C	7																						
HÀ NGỌC ANH	KSBT	8.43	4.4	8.6	8.22	8.42	4.25	3.93	7.22	7.92	8.25	8	7.82	7.83	7.98		8.32	7.92		8.68	8.95	7.82	**15.03**
VỪ BÁ TỐNG	KSBT	9.12	8.93	5.37	9.18	8.78	8.92	8.62	8.58	8.55	8.98	8.82	8.7	8.85	8.88	8.42	8.83	8.65	3.77			8.8	**16.73**
CỤT VĂN PHON	KSBT	8.05	8.57	8.55	8.5	3.87	8.6	8.45	8.13	8.17	7.95	8.32	8.23	8.3	5.4	8.27	8.17	7.98				7.95	**14.91**
VI VĂN KHOA	KSBT					7.97	2.68	7.83	7.28	7.5	3.38	7.93	8.03	7.75	8.02	7.83	7.87	7.92	7.42	8.07	7.48	8	**12.95**
PHẠM ĐỨC HÒA	KSBT																						**0**
NGUYỄN VĂN TUẤN	KSBT	8.52	8.5	8.75	8.37	8.38	6.6	8.28	8.1	8.53	8.52		8.47	8.55	8.58	7.57		8.25	7.45	8.23	4.22	8.88	**16.07**
GIÀ BÁ SÔ	KSBT	8.82	7.88	8.52	8.92	8.77	8.6	8.18	8.1	8.52	8.38	8.45	8.55	8.28	8.93	8.37	8.47	8.68	7.43	8.77	9	8.77	**18.77**
KHOA KSBT- HIV/AIDS C	7																						
NGUYỄN VĂN HIẾU	ATTP	8.28	8.65	8.43	8.47	7.45	2.87	8.28	8.13	8.67	5.65	8.88	8.82	8.6	4.02		8.48	8.53	7.5	3.22	8.55	8.2	**15.75**
VI THỊ NGÂN	ATTP																						**0**
LÔ XUÂN QUANG	ATTP	3.02	8.7	8.18	8.42	4.18	8.88	8.7	5.17	7.25	7.63	8.58	8.85	8.45	5.15		3.05	7.92	3.03	7.7	8.73	8.77	**14.76**
LÊ CÔNG CHÂU	ATTP																						**0**
MOONG THỊ NHÂN	ATTP	8.52	8.28	8.93	8.65	8.55	8.62	8.08	8.2	8.43	7.9	8.53	8.62	8.5	8.7	3.47		8.4		8.63	8.38	8.35	**16.39**
VI THỊ MY LA	ATTP	8.5	4.13	8.72	8.8		8.85	8	8	8.38	8.25	8.7	8.4	8.45	8.6	8.47				8.5	8.87	8.47	**14.74**
VÕ VĂN HÙNG	ATTP	7.63	6.4	7.55	4.82	8.03	7.7	7.25	6.53	7.97	5.17											7.47	**8.05**
KHOA ATTP - YTCC&DD C	8																						

MÙA XIA LỮ	DÂN SỐ	8.35	8.6		8.52		8.65	8.6	7.85		3.67	8.5	8.72	8.28	7.1	8.12	8.62	4.33		8.48	8.07	8.25	**13.99**
TRẦN THỊ KHÁNH	DÂN SỐ	3.92			7.63		8.83	8.53	8.08	4.27		9.02	8.7	8.52				8.53	7.28		3.78	8.42	**10.07**
TRẦN THỊ TUYẾT	DÂN SỐ	8.12	8.23	8.3	4.22		8.52	8.2	8.07	3.82		8.3	8.5	8.27			8.32	8.53	2.87		8.27	8.08	**12.47**
LÔ THỊ HẰNG	DÂN SỐ	8.18	2.1				8.7	8.23	2.5			5.5	8.57	8.38			4.12				3.83	8.02	**7.16**
PHÒNG DÂN SỐ Count	3																						